BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Thực hành Thú y cơ sở (Basic Veterinary clinic practice)

- **Mã số học phần:** NN348
- **Số tín chỉ học phần:** 02 tín chỉ
- **Số tiết học phần:** 60 tiết thực tế

2. Đơn vị phụ trách học phần:

- **Bộ môn:** Thú y
- **Khoa/Viện/Trung tâm/Bộ môn:** Nông nghiệp

3. Điều kiện:

- **Điều kiện tiên quyết:**

- **Điều kiện song hành:**

4. Mục tiêu của học phần:

Mục tiêu	Nội dung mục tiêu	CĐR CTĐT
4.1	Phát triển kiến thức của các học phần cơ sở ngành, chuyên ngành thông qua việc thực tập thực tế ở địa phương về lĩnh vực thú y	2.1.3a,b,d
4.2	Thực hiện hoạt động trong thú y gồm tiêm phòng, phòng chống dịch bệnh, điều tra dịch tễ	2.2.1a,b
4.3	Phát triển khả năng làm việc nhóm, làm việc độc lập, và tổng hợp thông tin	2.2.2a,b
4.4	Nhận ra vai trò của ngành thú y và thú y viên cơ sở	2.3

5. Chuẩn đầu ra của học phần:

CĐR HP	Nội dung chuẩn đầu ra	Mục tiêu	CĐR CTĐT
	Kiến thức		**2.1.3**
CO1	Vận dụng các kiến thức chuyên môn vào thực tế thông qua trải nghiệm hoạt động trong thú y tại thực địa	4.1	2.1.3a,b
CO2	Mô tả cơ cấu tổ chức và hoạt động chuyên môn của các cơ sở Thú y tại địa phương	4.1	2.1.3d
	Kỹ năng		**2.2**
CO3	Thực hiện các hoạt động trong thú y gồm tiêm phòng, phòng chống dịch bệnh, điều tra dịch tễ	4.2	2.2.1a,b
CO4	Hoàn thiện kỹ năng làm việc nhóm, làm việc độc lập, tiếp nhận và phân tích thông tin	4.3	2.2.2a,b

	Thái độ/Mức độ tự chủ và trách nhiệm		2.3
CO5	Hình thành ý thức về vai trò của ngành Thú y, và Thú y viên cơ sở	4.4	2.3
CO6	Thực hiện thái độ nghiêm túc, kỷ luật trong công việc	4.4	2.3

6. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này nhằm mục đích củng cố kiến thức chuyên ngành bằng cách tham gia vào thực tế công tác phòng chữa bệnh tại các cơ sở Thú y địa phương. Qua đó, sinh viên vừa được rèn nghề, cũng như tiếp thu các kiến thức thực tế trong công tác Thú y.

7. Cấu trúc nội dung học phần:

	Nội dung	Số tiết	CĐR HP
Nội dung 1.	Tìm hiểu về cơ cấu tổ chức của mạng lưới Thú y tại địa phương	10	CO1; CO2; CO5; CO6
Nội dung 2.	Điều tra, phân tích các dữ liệu dịch tễ Thú y tại địa phương	10	CO1; CO3; CO4; CO5; CO6
Nội dung 3.	Thực hiện công tác điều trị, tiêm phòng cho đàn vật nuôi tại địa phương	20	CO1; CO3; CO4; CO5; CO6
Nội dung 4.	Chẩn đoán phân biệt các bệnh lưu hành tại địa phương	10	CO1; CO3; CO4; CO5; CO6
Nội dung 5.	Tham quan cơ sở chăn nuôi tại địa phương	10	CO1; CO3; CO4

8. Phương pháp giảng dạy:

- Lý thuyết: ôn tập kiến thức chuyên môn liên quan trước khi đi thực tế; cung cấp biểu mẫu, hướng dẫn phương pháp thực hiện điều tra khảo sát.

- Thực hành: sinh viên tham gia tất cả các hoạt động thực tế tại các cơ sở Thú y địa phương; có sự giám sát và trao đổi giữa cơ sở Thú y và Bộ môn Thú y.

9. Nhiệm vụ của sinh viên:

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:
- Tham gia đầy đủ 100% thời gian thực tập tại các địa phương.
- Ghi chép "Nhật ký thực tập" đầy đủ, có xác nhận của đơn vị tham gia thực tập vào cuối kỳ.
- Báo cáo tổng kết công tác đã thực hiện.
- Nghiêm túc, kỷ luật trong công việc được phân công.

10. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên:

10.1. Cách đánh giá

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	CĐR HP
1	Điểm chuyên cần	Tham dự đầy đủ 100% thời gian thực tập	20%	CO3; CO4; CO5; CO6

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	CĐR HP
2	Đánh giá của đơn vị tiếp nhận thực tập	Dựa trên các phản hồi, xác nhận trong "Nhật ký thực tập" của từng sinh viên	20%	CO3; CO4; CO5; CO6
3	Điểm báo cáo thu hoạch	- Báo cáo thống kê các nội dung đã thực hiện - Trình bày bài học kinh nghiệm thực tế	60%	CO1; CO2; CO3; CO4

10.2. Cách tính điểm

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.
- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác học vụ của Trường.

11. Tài liệu học tập:

Thông tin về tài liệu	Số đăng ký cá biệt
[1] Giáo trình dược lý thú y / Huỳnh Kim Diệu.- Cần Thơ: Nxb. Đại học Cần Thơ, 2012 Số thứ tự trên kệ sách: 636.08957/ D309	MOL.063818; MOL.063829; MOL.063830; MOL.063841; MOL.063842; MOL.063853; MOL.063854; MON.043510; MON.043522; MON.043545; NN.016052; NN.016055; NN.016058; NN.016061; NN.016064; NN.016067; NN.016070; NN.016073; NN.016076; NN.016079
[2] Giáo trình miễn dịch học / Trần Ngọc Bích (Chủ biên); Nguyễn Thu Tâm, 9786049198267.- Cần Thơ: Nxb. Đại học Cần Thơ, 2017 Số thứ tự trên kệ sách: 616.079/ B302	MOL.083828; MOL.083829; MOL.083830; MON.059431; MON.059432; NN.017539; NN.017540; NN.017541; NN.017542; NN.017543
[3] Giáo trình dịch tễ học thú y nâng cao / Trần Ngọc Bích, Đỗ Trung Giã.- Cần Thơ: Nxb. Đại học Cần Thơ, 2013 Số thứ tự trên kệ sách: 636.08944/ B302	MOL.071193; MOL.071194; MOL.071195; MOL.071197; MOL.071198;

	MOL.071199; MON.046707; MON.046709; MON.046710; NN.016443; NN.016446; NN.016449; NN.016452; NN.016455; NN.016458; NN.016461; NN.016464; NN.016467; NN.016470; NN.018224
[4] Giáo trình bệnh truyền nhiễm gia súc gia cầm / Hồ Thị Việt Thu, Nguyễn Đức Hiền.- Cần Thơ: Nxb. Đại học Cần Thơ, 2017.- 365 tr.: Minh họa; 27 cm Số thứ tự trên kệ sách: 636.08969/Th500	MOL.087741, MOL.087742, MON.061937
[5] Giáo trình vi sinh thú y / Lưu Hữu Mãnh (Tủ sách Đại học Cần Thơ).- Cần Thơ: Đại học Cần Thơ - Năm xuất bản ngoài bìa 2009. Số thứ tự trên kệ sách: 636.08960194/ M107	MOL.056994; MOL.056995; MOL.056996; MOL.056997; MOL.056998; MOL.056999; MOL.057000; MOL.060357; MON.035272; MON.035273; NN.014850; NN.014881; NN.014884; NN.014887; NN.014890; NN.014893; NN.014896; NN.014899; NN.014902; NN.014905

Cần Thơ, ngày 24 tháng 8 năm 2022

TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA

PGS.TS. Lê Văn Vàng

TRƯỞNG BỘ MÔN

PGS.TS. Trần Ngọc Bích